TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2019/HNGĐ-ST
Ngày 12/9/2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn.

Ông Nguyễn Tấn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 12 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1970 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Anh Huỳnh Văn T (Huỳnh Văn T), sinh năm 1964 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 5 năm 2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày: Chị và anh Huỳnh Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau thời gian sống chung thì giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thiếu sự quan tâm lẫn nhau và tranh cải nhau, cuộc sống chung của vợ chồng không thể tìm được hạnh phúc. Vì không thể tiếp tục cuộc sống chung nên chị xin ly hôn với anh Huỳnh Văn T. Về con chung có 03 người, tên là Huỳnh Thị M, sinh năm 1994; Huỳnh Thị D, sinh năm 1996 và Huỳnh Hằng N, sinh ngày 08/6/2006. Đối với Huỳnh Thị M và Huỳnh Thị D đã đủ tuổi thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống, nên không yêu cầu giải quyết. Còn lại Huỳnh Hằng N hiện đang do chị nuôi dưỡng và chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không

yêu cầu anh Huỳnh Văn T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có, nên chị không yêu cầu giải quyết.

Tại Biên bản hòa giải ngày 13/6/2019 và tại phiên tòa, bị đơn anh Huỳnh Văn T (T) trình bày: Về hôn nhân, thời gian chung sống như vợ chồng, không đăng ký kết hôn là đúng như chị Nguyễn Thị S đã khai. Nhưng về mâu thuẫn thì không đến mức độ trầm trọng như chị Nguyễn Thị S đã trình bày mà chỉ có trong cuộc sống hằng ngày đôi khi có sự mâu thuẫn nhỏ giữa vợ chồng nên anh có uống rượu rồi giữa vợ chồng xảy ra cự cải chứ không trầm trọng như lời khai của chị Nguyễn Thị S. Nhưng không biết lý do gì sau chị Nguyễn Thị S đi làm ăn ở xa rồi về xin ly hôn anh. Vì tình cảm của anh vẫn còn thương yêu vợ con, muốn cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, nên anh không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị S. Về con có 03 người đứng như chị Nguyễn Thị S đã khai. Nhưng về con anh không đồng ý để cho chị Nguyễn Thị S nuôi mà anh yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu chị Nguyễn Thị S cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc chị Nguyễn Thị S xin ly hôn anh Huỳnh Văn T là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về hôn nhân, chị Nguyễn Thị S và anh Huỳnh Văn T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1993 đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nên hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị S và anh Huỳnh Văn T vi phạm quy định về đăng ký kết hôn. Do đó, căn cứ vào quy định tại các điều 9, 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị S và anh Huỳnh Văn T không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị Nguyễn Thị S và anh Huỳnh Văn T không được công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung có 03 người, tên là Huỳnh Thị M (giới tính nữ), sinh năm 1994; Huỳnh Thị D (giới tính nữ), sinh năm 1996 và Huỳnh Hằng N (giới tính nữ), sinh ngày 08/6/2006. Đối với Huỳnh Thị M và Huỳnh Thị D đã đủ tuổi thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống. Còn lại Huỳnh Hằng N hiện đang do chị Nguyễn Thị S nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị S và anh Huỳnh Văn T đều có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi chị Nguyễn Thị S và anh Huỳnh Văn T không còn sống chung thì chị Nguyễn Thị S là người trực tiếp nuôi con và con chung hiện do chị Nguyễn Thị S nuôi dưỡng. Hiện tại, con chung là Huỳnh Hằng N có nguyện vọng được sống cùng với chị Nguyễn Thị S. Từ đó, để nhằm ổn định cuộc sống của con chưa thành niên, chấp nhận giao con chung cho chị Nguyễn Thị S chịu trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và đúng theo quy định tại các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị S về việc không yêu cầu anh Huỳnh Văn T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Tài sản chung và nợ chung chị Nguyễn Thị S và anh Huỳnh Văn T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị S phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các điều 9, 14, 53, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Tuyên bố: Không công nhận chị Nguyễn Thị S và anh Huỳnh Văn T (Huỳnh Văn T) là vợ chồng.

2. Về con chung, giao cho chị Nguyễn Thị S chịu trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng một người con chung tên là Huỳnh Hằng N (giới tính nữ), sinh ngày 08/6/2006. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị S không yêu cầu anh Huỳnh Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Huỳnh Văn T (Huỳnh Văn T) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0019152, ngày 08 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, chị Nguyễn Thị S đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- CCTHADS huyện Phú Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thế Phương